TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **22**/2023/QĐST-DS	*T, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 119, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 27/2023/TLST-DS ngày 03/4/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: 266 - 268 N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc T, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Ngân hàng TMCP S)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh H1, Nhân viên Công ty TNHH Một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (Giấy ủy quyền số 366/2023/UQ-TGĐ ngày 27/02/2023 của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S)

Bị đơn: Ông Phan Thanh H2, sinh năm 1988

HKTT: Cụm 2, thôn Q, xã V, huyện T, Hà Nội

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận ông Phan Thanh H2 còn nợ Ngân hàng TMCP S theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/6/2019 của ông Phan Thanh H2 và Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (có hiệu lực từ ngày 04/01/2018), tính đến ngày 11/4/2023 số tiền là: **78.679.265 đồng,** trong đó: nợ gốc: 34.959.251 đồng; nợ lãi quá hạn: 43.720.014 đồng.

2.2. Ông Phan Thanh H2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền **78.679.265 đồng** như sau:

- Ngày 28/4/2023, ông Phan Thanh H2 có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng TMCP S 15.000.000 đồng;

- Ngày 28/5/2023, ông Phan Thanh H2 có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng TMCP S 15.000.000 đồng;

- Ngày 28/6/2023, ông Phan Thanh H2 có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng TMCP S 15.000.000 đồng;

- Ngày 28/7/2023, ông Phan Thanh H2 có trách nhiệm tất toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng TMCP S.

Kể từ ngày 12/4/2023, ông Phan Thanh H2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/6/2019 của ông Phan Thanh H2 và Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (có hiệu lực từ ngày 04/01/2018) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Phan Thanh H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP S theo thỏa thuận trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án ngay để thu hồi nợ.

2.3. Về án phí: Ông Phan Thanh H2 tự nguyện chịu toàn bộ 1.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền 1.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 63454 ngày 29/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thắng